

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS-ST
Ngày 07-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tạo.
2. Bà Ông Thanh Bạch.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Lâm Thị Kim Hằng là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm Sát viên.

Trong các ngày 02 và ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoài N – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố S; Địa chỉ: Đường T, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền ngày 02/3/2021 (Có mặt)

- Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Út C; (có mặt)

2. Bà Lâm Mỹ H; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Ngọc N1, địa chỉ:

đường P, khóm K, phường L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2020 của Nguyên đơn Ngân hàng N, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2013 đến năm 2015, giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố S với ông Nguyễn Út C có ký các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201301556 ngày 22/11/2013 vay số tiền 830.000.000 đồng, lãi suất 13,0%/năm (lãi suất nợ quá hạn 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận); mục đích vay vốn mua xe tải; thời gian cho vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 22/11/2018; trả nợ lãi hàng tháng. Tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại DFL1253AX; số máy C2303387575632; Số khung LGAX4C357D8110592; biển số 83C-022.56 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003973 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 22/11/2013; theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 582/HĐTC ngày 22/11/2013.

- Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500039 ngày 14/01/2015 vay số tiền 1.050.000.000 đồng, lãi suất 12,0%/năm (lãi suất nợ quá hạn 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận); mục đích vay vốn mua xe tải; thời gian cho vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 14/01/2020; trả nợ lãi hàng tháng. Tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại HGA/L3153; số máy 153078061825; Số khung D659E7009916; Tải trọng 17.500 kg; biển số 83C-028.97 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001280 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 13/01/2015; theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 23/HĐTC ngày 14/01/2015.

- Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500058 ngày 20/01/2015, vay số tiền 1.050.000.000 đồng, lãi suất 12,0%/năm (lãi suất nợ quá hạn 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận); mục đích vay vốn: mua xe tải; thời gian cho vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 20/01/2020; trả nợ lãi hàng tháng. Tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu trắng; số loại HGA; số máy 153078061829; Số khung D657E7009901; Tải trọng 17.500 kg; biển số 83C-029.72 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001301 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 15/01/2015; theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 38/HĐTC ngày 20/01/2015.

- Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500155 ngày 11/02/2015, vay số tiền 1.100.000.000 đồng lãi suất 12,0%/năm (lãi suất nợ quá hạn 150% so với lãi suất

cho vay đã thỏa thuận); mục đích vay vốn: mua xe tải; thời gian cho vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 11/02/2020; trả nợ lãi hàng tháng. Tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại HGAL315; số máy 153078172717; Số khung D655F7010241; Tải trọng 17.450 kg; biển số 83C-031.40 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001452 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 10/02/2015; theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 77/HĐTC ngày 11/02/2015.

Trong quá trình vay vốn ông Nguyễn Út C đã rút bớt 02 tài sản là xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu trắng; số loại HGA; số máy 153078061829; Số khung D657E7009901; Tải trọng 17.500 kg; biển số: 83C-029.72 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001301 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 15/01/2015 và Xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại HGAL315; số máy 153078172717; Số khung D655F7010241; Tải trọng: 17.450 kg; biển số 83C-031.40 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001452 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 10/02/2015.

Tính đến ngày 02/4/2021, ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H mới trả cho Ngân hàng được số tiền vốn vay là 3.015.276.592 đồng và lãi là 1.277.714.473 đồng, còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 1.589.400.927 đồng (Trong đó tiền gốc là 1.014.723.408 đồng, tiền lãi trong hạn là 357.576.615 đồng và tiền lãi quá hạn là 217.100.904 đồng), cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201301556 đã trả tất nợ vào ngày 21/03/2018.

Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500039 còn dư nợ là 804.876.883 đồng (Trong đó tiền vốn vay là 620.544.191 đồng, lãi trong hạn 51.161.655 đồng, lãi quá hạn 133.171.037 đồng).

Hợp đồng tín dụng số: 7601-LAV-201500058 còn dư nợ là 341.904.489 đồng (Trong đó tiền vốn vay là 158.500.000 đồng, lãi trong hạn 148.613.739 đồng, lãi quá hạn 34.790.750 đồng).

Hợp đồng tín dụng số: 7601-LAV-201500155 dư nợ là 442.619.554 đồng (Trong đó tiền vốn vay là 235.679.217 đồng, lãi trong hạn 157.801.220 đồng, lãi quá hạn 49.139.117 đồng).

Do ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H đã vi phạm các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Mặc dù Cán bộ Ngân hàng đã đến nhà đôn đốc, mời hộ vay lên Ngân hàng xử lý nhiều lần để hộ vay trả nợ lãi đúng theo phụ lục Hợp đồng tín dụng đã ký và hộ vay đã cam kết nhiều lần nhưng đến vẫn không trả được nợ lãi như đã ký cam kết.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Toà án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày 02/4/2021 là 1.589.400.927 đồng (Trong đó tiền gốc là 1.014.723.408 đồng, tiền lãi trong hạn là 357.576.615 đồng và tiền lãi quá hạn là 217.100.904 đồng) và tiếp tục thu lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong tiền vay vốn.

Nếu trường hợp ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H không trả được nợ nêu trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi 02 tài sản thế chấp là xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại DFL1253AX; số máy C2303387575632; Số khung LGAX4C357D8110592; biển số 83C-022.56 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003973 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 22/11/2013 và Xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại HGA/L3153; số máy 153078061825; Số khung D659E7009916; Tải trọng 17.500 kg; biển số 83C-028.97 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001280 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 13/01/2015 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Út C trình bày:

Ông Nguyễn Út C thừa nhận giữa ông với Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố S có ký các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201301556 ngày 22/11/2013 vay số tiền 830.000.000 đồng, lãi suất 13,0%/năm (lãi suất nợ quá hạn 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận); mục đích vay vốn: mua xe tải; thời gian cho vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 22/11/2018; trả nợ lãi hàng tháng. Tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại DFL1253AX; số máy C2303387575632; Số khung LGAX4C357D8110592; biển số 83C-022.56 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003973 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 22/11/2013; theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 582/HĐTC ngày 22/11/2013. Hợp đồng tín dụng này ông C đứng ra vay dùm cho ông Huỳnh Ngọc N1 để mua xe và đứng tên dùm ông N1 chiếc xe nói trên. Sau khi vay mua xe thì ông N1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng xe và trả tiền hàng tháng cho Ngân hàng.

Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500039 ngày 14/01/2015 vay số tiền 1.050.000.000 đồng, lãi suất 12,0%/năm (lãi suất nợ quá hạn 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận); mục đích vay vốn: mua xe tải; thời gian cho vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 14/01/2020; trả nợ lãi hàng tháng. Tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại HGA/L3153; số máy 153078061825; Số khung D659E7009916; Tải trọng 17.500 kg; biển số 83C-

028.97 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001280 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 13/01/2015; theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 23/HĐTC ngày 14/01/2015. Chiếc xe này hiện ông C đang quản lý, sử dụng.

Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500058 ngày 20/01/2015, vay số tiền 1.050.000.000 đồng, lãi suất 12,0%/năm (lãi suất nợ quá hạn 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận); mục đích vay vốn: mua xe tải; thời gian cho vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 20/01/2020; trả nợ lãi hàng tháng. Tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu trắng; số loại HGA; số máy 153078061829; Số khung D657E7009901; Tải trọng 17.500 kg; biển số 83C-029.72 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001301 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 15/01/2015; theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 38/HĐTC ngày 20/01/2015. Đối với Hợp đồng này ông C đứng ra vay dùm cho cho ông Huỳnh Thanh T1, hiện nay ông C không biết địa chỉ của ông T1, để mua và đứng tên dùm ông T1 chiếc xe này. Sau khi vay mua xe thì ông T1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng xe và trả tiền hàng tháng cho Ngân hàng.

Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500155 ngày 11/02/2015, vay số tiền 1.100.000.000 đồng lãi suất 12,0%/năm (lãi suất nợ quá hạn 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận); mục đích vay vốn: mua xe tải; thời gian cho vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 11/02/2020; trả nợ lãi hàng tháng. Tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại HGAL315; số máy 153078172717; Số khung D655F7010241; Tải trọng 17.450 kg; biển số 83C-031.40 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001452 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 10/02/2015; theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 77/HĐTC ngày 11/02/2015. Đối với Hợp đồng này ông C đứng ra vay dùm cho cho ông Ngô Minh K, hiện nay ông K đã định cư ở Mỹ, để mua và đứng tên dùm ông K chiếc xe này. Sau khi vay mua xe thì ông K là người trực tiếp quản lý, sử dụng xe và trả tiền hàng tháng cho Ngân hàng.

Trong quá trình vay vốn ông Nguyễn Út C đã rút bớt 02 tài sản sau:

Xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu trắng; số loại HGA; số máy 153078061829; Số khung D657E7009901; Tải trọng 17.500 kg; biển số 83C-029.72 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001301 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/01/2015;

Xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại HGAL315; số máy 153078172717; Số khung D655F7010241; Tải trọng 17.450 kg; biển số 83C-031.40 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001452 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 10/02/2015.

Ông C và bà Lâm Mỹ H là vợ chồng. Theo ông C thực tế ông đứng ra vay tiền dùm cho người khác để mua xe, bản thân ông chỉ sử dụng số tiền vốn vay là 1.050.000.000 đồng. Trước khi vay ông C có bàn bạc trao đổi với bà H và bà H cũng đồng ý với việc ông đứng tên vay tiền dùm cho người khác và ông C có sử dụng số tiền vay để mua xe chở hàng thuê, tạo thu nhập phục vụ cho cuộc sống của gia đình. Do đó, ông C đồng ý cùng với bà Lâm Mỹ H trả số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày 02/4/2021 là 1.589.400.927 đồng, tuy nhiên ông C xin trả dần cho Ngân hàng mỗi tháng từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Trường hợp ông C không trả được nợ thì ông đồng ý để cho Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản là chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại HGA/L3153; số máy 153078061825; Số khung D659E7009916; Tải trọng 17.500 kg; biển số 83C-028.97 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001280 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 13/01/2015.

Còn đối chiếc xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại DFL1253AX; số máy: C2303387575632; Số khung: LGAX4C357D8110592; biển số: 83C-022.56 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003973 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 22/11/2013, hiện ông Huỳnh Ngọc N1 đang quản lý, sử dụng và ông N1 đã thanh toán hết số tiền vốn và lãi vay cho ngân hàng đối với Hợp đồng vay để mua chiếc xe này nên ông không đồng ý phát mãi.

Ông C cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết Hợp đồng nhờ vay tiền dùm giữa ông C với ông Huỳnh Thanh T1, ông Huỳnh Ngọc N1 và ông Ngô Minh K trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc N1 trình bày:

Vào khoảng tháng 11 năm 2013, do chỗ quen biết với ông Nguyễn Út C nên ông N1 có nhờ ông C đứng tên vay của Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố S số tiền 830.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe tải. Sau khi vay ông N1 nhờ ông C đứng tên chiếc xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại DFL1253AX; số máy: C2303387575632; Số khung: LGAX4C357D8110592; biển số: 83C-022.56 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003973 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C ngày 22/11/2013. Việc ông N1 thỏa thuận nhờ ông C đứng tên vay tiền Ngân hàng và mua xe chỉ có ông N1 và ông C biết, phía Ngân hàng không biết. Sau khi vay ông C tự chuyển số tiền 830.000.000.000 đồng cho người bán xe. Chiếc xe trên có giá là 1.080.000.000 đồng, ông N1 đưa cho người bán xe số tiền 250.000.000 đồng còn ông C chuyển số tiền đã vay của Ngân hàng là 830.000.000 đồng.

Chiếc xe sau khi mua do ông N1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến nay. Hàng tháng ông N1 là người trực tiếp trả tiền nợ cho Ngân hàng, tính đến ngày

21/3/2018, ông N1 đã trả hết cho Ngân số tiền vốn 830.000.000 đồng và lãi theo đúng hợp đồng mà ông C đã ký với Ngân hàng. Theo ông N1 trong quá trình trả nợ cho Ngân hàng ông có thông báo cho Ngân hàng biết, ông C là người đứng tên vay tiền dùm và đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe dùm cho ông N1 và chiếc xe do ông N1 quản lý, sử dụng. Do đó định kỳ ông N1 là người trực tiếp đến Ngân hàng để xin giấy xác nhận của Ngân hàng để xe được lưu thông.

Nay ông N1 không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mãi chiếc xe nói trên.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, phát mãi chiếc xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại DFL1253AX; số máy: C2303387575632; Số khung: LGAX4C357D8110592; biển số: 83C-022.56 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003973 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C ngày 22/11/2013, thì ông sẽ khởi kiện ông Nguyễn Út C bồi thường cho ông bằng vụ kiện dân sự khác.

Đối với bị đơn bà Lâm Mỹ H, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho các bà biết yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nhưng bà H không có văn bản trả lời cho Tòa án. Sau đó, Tòa án đã gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng bà H vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày 02/4/2021 là 1.589.400.927 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng, trường hợp ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H không thanh toán số tiền vốn và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500039 ngày 14/01/2015 thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại HGA/L3153; số máy 153078061825; Số khung D659E7009916; Tải trọng 17.500 kg; biển số 83C-028.97 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001280 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 13/01/2015, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 23/HĐTC ngày 14/01/2015 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là chiếc Xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại DFL1253AX; số máy: C2303387575632; Số khung: LGAX4C357D8110592; biển số: 83C-022.56 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003973 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 22/11/2013.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Lâm Mỹ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Theo đơn khởi kiện Ngân hàng N yêu cầu ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H; cư trú tại Ấp Bào Cát, thị trấn Hưng Lợi, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng hoàn trả số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày 02/4/2021 là 1.589.400.927 đồng, theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết thì mục đích vay để mua xe tải. Đồng thời theo quy định tại Điều 12 các Hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết thì “....*trường hợp không thể giải quyết bằng thương lượng, hai bên sẽ đưa ra giải quyết tại Tòa án nơi bên A đóng trụ sở*”; Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố S; có trụ sở tại: Đường T, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh chấp Hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Tại Tòa ông Nguyễn Út C thừa nhận từ năm 2013 đến năm 2015, giữa ông C với Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố S có ký các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201301556 ngày 22/11/2013 vay số tiền 830.000.000 đồng, lãi suất 13,0%/năm (lãi suất nợ quá hạn 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận); mục đích vay vốn: mua xe tải; thời gian cho vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 22/11/2018; trả nợ lãi hàng tháng.

Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500039 ngày 14/01/2015 vay số tiền 1.050.000.000 đồng, lãi suất 12,0%/năm (lãi suất nợ quá hạn 150% so với lãi suất

cho vay đã thỏa thuận); mục đích vay vốn: mua xe tải; thời gian cho vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 14/01/2020; trả nợ lãi hàng tháng.

Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500058 ngày 20/01/2015, vay số tiền 1.050.000.000 đồng, lãi suất 12,0%/năm (lãi suất nợ quá hạn 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận); mục đích vay vốn: mua xe tải; thời gian cho vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 20/01/2020; trả nợ lãi hàng tháng.

Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500155 ngày 11/02/2015, vay số tiền 1.100.000.000 đồng lãi suất 12,0%/năm (lãi suất nợ quá hạn 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận); mục đích vay vốn: mua xe tải; thời gian cho vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 11/02/2020; trả nợ lãi hàng tháng.

Như vậy, có cơ sở xác định trên thực tế giữa Ngân hàng N với ông Nguyễn Út C có giao kết 04 hợp đồng tín dụng để vay tổng số tiền là 4.030.000.000 đồng, các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên N1 tắc tự nguyện, hình thức và nội dung Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, do đó hợp đồng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi vay ông C đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi vay theo đúng cam kết trong Hợp đồng, tính đến nay đã quá thời hạn trả nợ theo các Hợp đồng mà ông C mới trả cho Ngân hàng được số tiền vốn là 3.015.276.592 đồng và lãi là 1.277.714.473 đồng. Tại Tòa Ngân hàng N yêu cầu ông Nguyễn Út C trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 1.014.723.408 đồng và tiền lãi vay tính đến ngày 02/4/2021 là 574.677.519 đồng, bị đơn ông C cũng thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền vốn và lãi vay nói trên. Xét thấy ông C đã nhận tiền vay của Ngân hàng số tiền là 4.030.000.000 đồng, nhưng đến nay ông C mới trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 3.015.276.592 đồng và lãi là 1.277.714.473 đồng. Do ông C không thực hiện việc trả tiền vốn và lãi vay theo thỏa thuận nên đã vi phạm Điều 4 và Điều 8 của các Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Theo ông C đây là khoản nợ chung của vợ chồng, trước khi vay ông C có bàn bạc trao đổi với bà H và ông có sử dụng số tiền vay để mua xe chở hàng thuê, tạo thu nhập phục vụ cho cuộc sống của gia đình, mặt khác tại biên bản xử lý nợ vay ngày 06/01/2020, bà H cũng thừa nhận đây là nợ chung của bà H và ông C. Do đó, việc Ngân hàng N yêu cầu ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền vốn và lãi vay còn lại tính đến ngày 02/4/2021 là 1.589.400.927 đồng (trong đó tiền gốc là 1.014.723.408 đồng, tiền lãi trong hạn là 357.576.615 đồng và tiền lãi quá hạn là 217.100.904 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền vốn vay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 582/HĐTC ngày 22/11/2013 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố S với ông Nguyễn Út C, tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại DFL1253AX; số máy C2303387575632; Số khung LGAX4C357D8110592; biển số 83C-022.56 theo

Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003973 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C ngày 22/11/2013 thì thấy, hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp trên phù hợp với quy định của pháp luật và việc thế chấp có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nên Hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lý. Theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng thế chấp trên hai bên thỏa thuận “*Bên B tự nguyện đem tài sản nói trên (kể cả khoản tiền bảo hiểm cho tài sản đó – nếu có) thế chấp cho Bên A để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan – nếu có) trong đó mức dư nợ/số tiền cho vay theo các hợp đồng tín dụng do hai bên ký là 830.000.000 đồng*” và theo Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201301556 ngày 22/11/2013 hai bên thỏa thuận “*Hợp đồng tín dụng này đảm bảo bởi 01 hợp đồng thế chấp tài sản số 582 ngày 22/11/2013 ...*” Như vậy theo hai Hợp đồng trên thì chiếc xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại DFL1253AX; số máy C2303387575632; Số khung LGAX4C357D8110592; biển số 83C-022.56 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003973 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C ngày 22/11/2013 chỉ đảm bảo nghĩa vụ cho số tiền vốn vay là 830.000.000 đồng và các khoản lãi, phí phát sinh. Nghĩa vụ đảm bảo nói trên theo Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201301556 ngày 22/11/2013 thì Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền 830.000.000 đồng. Tại Tòa các đương sự thừa nhận số tiền vốn và lãi vay theo Hợp đồng tín dụng nói trên do ông Nguyễn Ngọc N1 đứng ra thanh toán xong vào ngày 21/03/2018, như vậy theo điểm 7.2.1 khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp số 582/HĐTC ngày 22/11/2013 thì Hợp đồng này đã hết hiệu lực. Mặc khác, tại 03 Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500039 ngày 14/01/2015; Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500058 ngày 20/01/2015 và Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500155 ngày 11/02/2015 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Út C cũng không có thỏa thuận đưa tài sản là chiếc xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại DFL1253AX; số máy C2303387575632; Số khung LGAX4C357D8110592; biển số 83C-022.56 để đảm bảo nghĩa vụ cho 03 Hợp đồng tín dụng này. Cũng theo Ngân hàng trong quá trình thực hiện Hợp đồng, phía Ngân hàng đã biết việc ông C đứng tên vay tiền dùm cho ông Huỳnh Ngọc N1 và chiếc xe này thực tế là của ông N1, còn ông C chỉ đứng tên dùm, nhưng vào ngày 06/01/2020 Ngân hàng với ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H lại lập biên bản thỏa thuận đưa tài sản này để bảo đảm cho khoản nợ còn lại của ông C tại Ngân hàng mà không có sự tham gia của ông N1 là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông N1, vì vậy thỏa này không có giá trị pháp lý. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp này là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 23/HĐTC ngày 14/01/2015 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố S với ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H, tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại HGA/L3153; số máy 153078061825; Số khung D659E7009916; Tải trọng 17.500 kg; biển số

83C-028.97 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001280 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C ngày 13/01/2015 thì thấy, hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp trên phù hợp với quy định của pháp luật và việc thế chấp có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nên Hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lý. Theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng thế chấp trên hai bên thỏa thuận *“Bên B tự nguyện đem tài sản nói trên (kể cả khoản tiền bảo hiểm cho tài sản đó – nếu có) thế chấp cho Bên A để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bên B tại các Hợp đồng cấp tín dụng được ký giữa hai bên (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan – nếu có) trong đó số tiền gốc là 1.050.000.000 đồng”* và theo Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500039 ngày 14/01/2015 hai bên thỏa thuận *“Hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bằng hợp đồng bảo đảm số 23/HĐTC ngày 14/01/2015 ...”* Như vậy theo hai Hợp đồng trên thì chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại HGA/L3153; số máy 153078061825; Số khung D659E7009916; Tải trọng 17.500 kg; biển số 83C-028.97 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001280 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C ngày 13/01/2015 chỉ đảm bảo nghĩa vụ cho số tiền vốn vay là 1.050.000.000 đồng và các khoản lãi, phí phát sinh. Nghĩa vụ đảm bảo nói trên theo Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500039 ngày 14/01/2015 thì Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền 1.050.000.000 đồng. Mặc khác tại 02 Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500058 ngày 20/01/2015 và Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500155 ngày 11/02/2015 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Út C cũng không có thỏa thuận đưa tài sản là chiếc xe biển số 83C-022.56 để đảm bảo nghĩa vụ cho 02 Hợp đồng tín dụng này. Do đó việc Ngân hàng yêu cầu trưng hợp ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H không trả được nợ nêu trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại HGA/L3153; số máy 153078061825; Số khung D659E7009916; Tải trọng 17.500 kg; biển số 83C-028.97 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001280 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 13/01/2015 là không có căn cứ chấp nhận toàn bộ mà chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng là khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H không thanh toán số tiền vốn và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500039 ngày 14/01/2015 thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại HGA/L3153; số máy 153078061825; Số khung D659E7009916; Tải trọng 17.500 kg; biển số 83C-028.97 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001280 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 13/01/2015, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 23/HĐTC ngày 14/01/2015 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng N được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 1.640.000 đồng, Ngân hàng N phải chịu số tiền 1.090.000 đồng (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với chiếc xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; biển số: 83C-022.56); ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H phải chịu số tiền 550.000 đồng (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; biển số 83C-028.97). Sau khi ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H nộp thì giao trả cho Ngân hàng N vì Ngân hàng đã nộp tạm ứng xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng khoản 1 Điều 355 Bộ Luật dân sự năm 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Buộc ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày 02/4/2021 là 1.589.400.927 đồng (Trong đó tiền gốc là 1.014.723.408 đồng, tiền lãi trong hạn là 357.576.615 đồng và tiền lãi quá hạn là 217.100.904 đồng)

[2]. Kể từ ngày 03/4/2021 ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H còn phải trả lãi phát sinh cho Ngân hàng N theo mức lãi suất trong các Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết trên số tiền vốn vay chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền vốn vay cho Ngân hàng N.

[3]. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng N, khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H không thanh toán số tiền vốn và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500039 ngày 14/01/2015 thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại HGA/L3153; số máy 153078061825; Số khung D659E7009916; Tải trọng 17.500 kg; biển số 83C-028.97 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001280 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 13/01/2015, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 23/HĐTC

ngày 14/01/2015 để Ngân hàng thu hồi nợ.

[4]. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG; màu vàng; số loại DFL1253AX; số máy: C2303387575632; Số khung: LGAX4C357D8110592; biển số: 83C-022.56 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003973 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Út C vào ngày 22/11/2013.

[5]. Án phí sơ thẩm: ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H phải chịu án phí số tiền 59.682.028 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 27.484.000 đồng theo biên lai thu số 0004444 ngày 02/7/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

[6]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 1.640.000 đồng, Ngân hàng N phải chịu số tiền 1.090.000 đồng; ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H phải chịu số tiền 550.000 đồng. Sau khi ông Nguyễn Út C và bà Lâm Mỹ H nộp thì giao trả cho Ngân hàng N vì Ngân hàng đã nộp tạm ứng xong.

[7]. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Thúy Uyên